

Bài báo nghiên cứu TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP TIẾNG TRUNG QUỐC VÀ GỢI Ý NGHIÊN CỨU CHO NGƯỜI HỌC VIỆT NAM

Luu Hón Vũ

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Luu Hón Vũ – Email: luuhonvu@gmail.com

Ngày nhận bài: 02-5-2024; ngày nhận bài sửa: 04-7-2024; ngày duyệt đăng: 22-02-2025

TÓM TẮT

Trên cơ sở dữ liệu CNKI của Trung Quốc, bài viết nghiên cứu về chiến lược học tập (CLHT) tiếng Trung Quốc tại Trung Quốc từ bốn phương diện: (1) Xu thế phát triển, (2) Đối tượng nghiên cứu, (3) Phương pháp nghiên cứu, (4) Nội dung nghiên cứu. Bài viết cho thấy các nghiên cứu về CLHT tiếng Trung Quốc đã trải qua ba giai đoạn, là: giai đoạn sơ khởi (1998-2010), giai đoạn phồn thịnh (2011-2021), và giai đoạn thoái trào (2022-2023). Đối tượng nghiên cứu đa dạng cả về quốc gia, trình độ tiếng Trung Quốc lẫn bậc học của người học. Phương pháp nghiên cứu đa dạng, song chủ yếu sử dụng phương pháp định lượng; nội dung nghiên cứu đa dạng, không chỉ quan tâm đến chiến lược học tập tổng thể, mà còn quan tâm đến CLHT kiến thức và kỹ năng. Từ đó, rút ra một số gợi ý cho nghiên cứu trường hợp của người học Việt Nam.

Từ khóa: tiếng Trung Quốc; chiến lược học tập; nhìn lại; gợi ý; người học Việt Nam

1. Mở đầu

Chiến lược học tập là vấn đề đã được các nhà giáo dục quan tâm từ những năm 70 của thế kỉ XX. Rubin (1975) là người đầu tiên đề cập vấn đề này, phát hiện đặc điểm CLHT của người học ngôn ngữ thành công là sử dụng tất cả cơ hội để luyện tập ngoại ngữ, giỏi đoán nghĩa dựa vào ngữ cảnh, không chỉ chú trọng hình thức ngôn ngữ mà còn chú trọng ý nghĩa ngôn ngữ, giám sát cả quá trình luyện tập, đồng thời có những biểu hiện tố chất tâm lí tốt trong quá trình luyện tập. Kể từ đó, nghiên cứu về CLHT đã từng bước trở thành vấn đề nóng của nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng với rất nhiều thành quả. Các thành quả này chủ yếu xoay quanh năm nội dung quan trọng sau: (1) Định nghĩa, phân loại và đo lường CLHT; (2) Phân biệt CLHT và chiến lược sử dụng; (3) Mối quan hệ giữa CLHT và trình độ ngôn ngữ của người học; (4) Khả năng chuyển di từ nhiệm vụ ngôn ngữ thứ nhất sang nhiệm vụ ngôn ngữ thứ hai; (5) Bồi dưỡng CLHT (Anderson, 2005).

So với nghiên cứu về CLHT tiếng Anh, nghiên cứu về CLHT tiếng Trung Quốc (TQ) bắt đầu tương đối trễ, chỉ mới được quan tâm từ cuối những năm 90 của thế kỉ XX với nghiên

Cite this article as: Luu Hon Vu (2025). A overview of research on Chinese learning strategies and suggestions for research on Vietnamese learners a review of research on Chinese learning strategies and suggestions for research on Vietnamese learners. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(2), 317-328.

cứ của Yang (1998). Từ đó đến nay, nghiên cứu về CLHT tiếng TQ như một ngôn ngữ thứ hai đã đạt được nhiều thành quả. Trong bài viết này, tác giả tổng thuật tình hình nghiên cứu CLHT tiếng TQ tại TQ giai đoạn 1998-2023, nhằm tổng kết những việc đã làm được, phát hiện những hạn chế còn tồn tại và định hướng phát triển trong tương lai. Từ đó, đưa ra những gợi ý cho nghiên cứu đối với người học Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu

Tác giả sử dụng cơ sở dữ liệu CNKI của TQ làm nguồn tài liệu khảo sát tình hình nghiên cứu CLHT tiếng TQ tại TQ. Tác giả sử dụng “汉语学习策略” làm từ khóa tìm kiếm ở nội dung tiêu đề trong giai đoạn đến tháng 12 năm 2023. Kết quả tìm được 830 tài liệu, bao gồm 348 bài báo khoa học, 16 bài tham luận hội thảo, 457 luận văn thạc sĩ và 9 luận án tiến sĩ. Sau khi tiến hành sàng lọc, phân loại, xác định mối liên hệ giữa chúng với lĩnh vực giáo dục quốc tế tiếng TQ, tác giả có được 458 tài liệu, bao gồm 149 bài báo khoa học, 8 bài tham luận hội thảo, 294 luận văn thạc sĩ và 7 luận án tiến sĩ.

2.2. Nhìn lại nghiên cứu về CLHT tiếng TQ

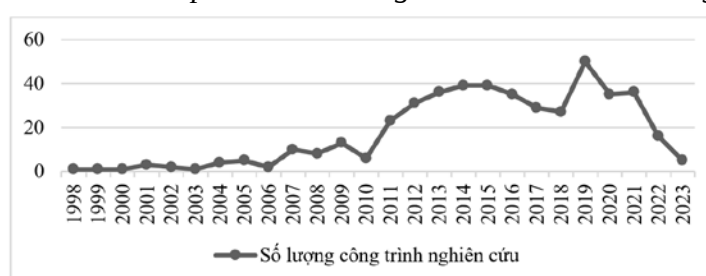
2.2.1. Xu thế phát triển

Căn cứ vào thời gian công bố, phân bố của các công trình nghiên cứu về CLHT tiếng TQ trên cơ sở dữ liệu CNKI được thể hiện trong Bảng 1 và Biểu đồ 1.

Bảng 1. Phân bố công trình nghiên cứu theo thời gian

Năm	Số lượng	Năm	Số lượng	Năm	Số lượng	Năm	Số lượng	Năm	Số lượng
1998	1	2004	4	2009	13	2014	39	2019	50
1999	1	2005	5	2010	6	2015	39	2020	35
2000	1	2006	2	2011	23	2016	35	2021	36
2001	3	2007	10	2012	31	2017	29	2022	16
2002	2	2008	8	2013	36	2018	27	2023	5
2003	1								

Biểu đồ 1. Xu thế phát triển của nghiên cứu về CLHT tiếng TQ



Biểu đồ 1 cho thấy nghiên cứu về CLHT tiếng TQ đã trải qua những giai đoạn thăng trầm khác nhau. Có thể chia làm ba giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Từ 1998 đến 2010, đây có thể được xem là giai đoạn sơ khởi của nghiên cứu về CLHT tiếng TQ. Vấn đề này bắt đầu được giới giáo dục quốc tế tiếng TQ quan tâm, chú ý. Đặc điểm của giai đoạn này là thành quả nghiên cứu không nhiều. Ngoài năm 2007

và năm 2009 có số lượng nghiên cứu được công bố từ 10 trở lên, các năm còn lại đều có số lượng nghiên cứu được công bố dưới 10.

Giai đoạn 2: Từ 2011 đến 2021, đây có thể được xem là giai đoạn phồn thịnh của nghiên cứu về CLHT tiếng TQ. Có rất nhiều thành quả nghiên cứu đã ra đời trong giai đoạn này, số lượng nghiên cứu được công bố ở từng năm đều trên 20. Trong đó, năm 2014-2015 và năm 2019 là hai đỉnh cao trong giai đoạn này với số lượng nghiên cứu được công bố lần lượt là 39 và 50. Có thể thấy, trong giai đoạn này, vấn đề CLHT tiếng TQ đã trở thành một vấn đề nóng của giáo dục quốc tế tiếng TQ, được rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, chú ý,

Giai đoạn 3: Từ 2022 đến nay, đây có thể được xem là giai đoạn thoái trào của nghiên cứu về CLHT tiếng TQ. Số lượng nghiên cứu được công bố giảm dần qua các năm. Qua đó cho thấy, vấn đề CLHT tiếng TQ không còn được các nhà nghiên cứu xem trọng nữa.

2.2.2. Đối tượng nghiên cứu

Căn cứ vào quốc gia của đối tượng nghiên cứu, nghiên cứu về CLHT tiếng TQ có thể chia làm ba loại sau: (1) Không phân biệt quốc gia của đối tượng nghiên cứu (174 công trình, chiếm 37,99%), có đối tượng nghiên cứu là lưu học sinh tại TQ; (2) Chỉ phân biệt đối tượng nghiên cứu theo khu vực địa lí châu lục (51 công trình, chiếm 11,14%), có đối tượng nghiên cứu là lưu học sinh tại TQ đến từ các nước có cùng một khu vực địa lí, trong đó được quan tâm nhiều nhất là người học đến từ khu vực Trung Á và châu Phi; (3) Phân biệt quốc gia của đối tượng nghiên cứu (233 công trình, chiếm 50,87%), có đối tượng nghiên cứu là lưu học sinh của một quốc gia cụ thể tại TQ hoặc người học tiếng TQ tại một quốc gia nào đó.

Bảng 2. Phân bố công trình nghiên cứu theo quốc gia của đối tượng nghiên cứu

Quốc gia	Số lượng	Quốc gia	Số lượng	Quốc gia	Số lượng	Quốc gia	Số lượng
Thái Lan	48	Ba Lan	3	Cameroon	2	Burundi	1
Hàn Quốc	41	Bangladesh	3	Đức	2	Cyprus	1
Indonesia	15	Kenya	3	Hungary	2	Czech	1
Hoa Kỳ	11	Kyrgyzstan	3	Madagascar	2	Ethiopia	1
Nhật Bản	10	Mông Cổ	3	Pakistan	2	Ghana	1
Việt Nam	9	New Zealand	3	Serbia	2	Malaysia	1
Nga	8	Peru	3	Tajikistan	2	Mozambique	1
Myanmar	7	Philippines	3	Thổ Nhĩ Kỳ	2	Nam Phi	1
Lào	6	Ý	3	Turkmenistan	2	Nigeria	1
Cambodia	5	Ả Rập	2	Áo	1	Romania	1
Chile	4	Ai Cập	2	Azerbaijan	1	Singapore	1
Kazakhstan	4	Ấn Độ	2	Bosnia and Herzegovina	1	Sri Lanka	1
Tây Ban Nha	3	Anh	2	Brazil	1	Sudan	1

Trong các loại trên, loại thứ ba là loại phổ biến nhất hiện nay. Theo thống kê của tác giả, nghiên cứu về CLHT tiếng TQ đã đề cập đối tượng là người học đến từ 52 quốc gia (xem Bảng 2). Trong đó, đối tượng nghiên cứu là người học Thái Lan và Hàn Quốc được quan tâm nhiều nhất, với số lượng nghiên cứu được công bố lần lượt là 48 và 41. Đây có thể là vì hai quốc gia này có số lượng lưu học sinh tại TQ đông nhất.

Căn cứ vào bậc học của đối tượng nghiên cứu, có thể chia làm hai loại sau: (1) Người học đã trưởng thành (427 công trình, chiếm 93,23%); (2) Người học chưa trưởng thành (31 công trình, chiếm 6,77%). Có thể thấy, đại đa số các nghiên cứu đều có đối tượng là người đã trưởng thành, số lượng nghiên cứu có đối tượng là người chưa trưởng thành chưa nhiều.

Căn cứ vào trình độ tiếng TQ của đối tượng nghiên cứu, có thể chia làm hai loại sau: (1) Không phân biệt trình độ tiếng TQ của đối tượng nghiên cứu (354 công trình, chiếm 77,29%); (2) Phân biệt trình độ tiếng TQ của đối tượng nghiên cứu (104 công trình, chiếm 22,71%). Có thể thấy, đại đa số các nghiên cứu đều không phân biệt trình độ tiếng TQ của đối tượng nghiên cứu, có một số lượng công trình nghiên cứu chỉ quan tâm đến đối tượng nghiên cứu ở một giai đoạn trình độ tiếng TQ nhất định.

Tóm lại, các nghiên cứu hiện có về CLHT tiếng TQ có đối tượng nghiên cứu rất đa dạng, vừa có nghiên cứu không phân biệt quốc gia, không phân biệt trình độ tiếng TQ của đối tượng nghiên cứu, vừa có nghiên cứu hướng đến đối tượng người học đến từ một quốc gia cụ thể hoặc có trình độ tiếng TQ cụ thể, vừa có nghiên cứu có đối tượng nghiên cứu là người đã trưởng thành, vừa có nghiên cứu có đối tượng nghiên cứu là người chưa trưởng thành. Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu với đối tượng nghiên cứu có một trình độ tiếng TQ cụ thể, cũng chưa có nhiều nghiên cứu hướng đến đối tượng là người học chưa trưởng thành.

2.2.3. Phương pháp nghiên cứu

Theo Brown (1988), có hai phương pháp để tìm câu trả lời cho một câu hỏi: (1) Tìm hiểu quan điểm của người khác về một vấn đề cụ thể, gọi là nghiên cứu thứ cấp, nghiên cứu khái niệm hoặc nghiên cứu thư viện, đây là một hình thức tìm hiểu quan trọng, vì sẽ lãng phí thời gian và công sức nếu bỏ qua những điều người khác đã làm được; (2) Tiến hành nghiên cứu điều tra trên cơ sở dữ liệu của bản thân, tức nghiên cứu thực nghiệm, bao gồm việc thu thập một số thông tin hoặc dữ liệu, từ đó đưa ra kết luận, gọi là nghiên cứu sơ cấp.

Dornyei (2007) cho rằng, căn cứ vào phương pháp thu thập dữ liệu có thể chia nghiên cứu sơ cấp thành ba loại là nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng và nghiên cứu theo phương pháp hỗn hợp. Nghiên cứu định tính là nghiên cứu trên cơ sở thu thập các dữ liệu mở, phi số liệu, dữ liệu chủ yếu được phân tích bằng phương pháp phi thống kê, với các phương pháp như phỏng vấn, ghi chép. Nghiên cứu định lượng là nghiên cứu thu thập các dữ liệu số, dữ liệu chủ yếu được phân tích bằng phương pháp thống kê, với phương pháp điển hình là điều tra bằng bảng hỏi. Nghiên cứu theo phương pháp hỗn hợp là nghiên cứu kết hợp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính để thu thập và phân tích dữ liệu.

Trên cơ sở phân loại của Brown (1988) và Dornyei (2007), tác giả tiến hành phân loại các nghiên cứu về CLHT tiếng TQ (xem Bảng 3).

Bảng 3. Phân loại công trình nghiên cứu theo phương pháp nghiên cứu

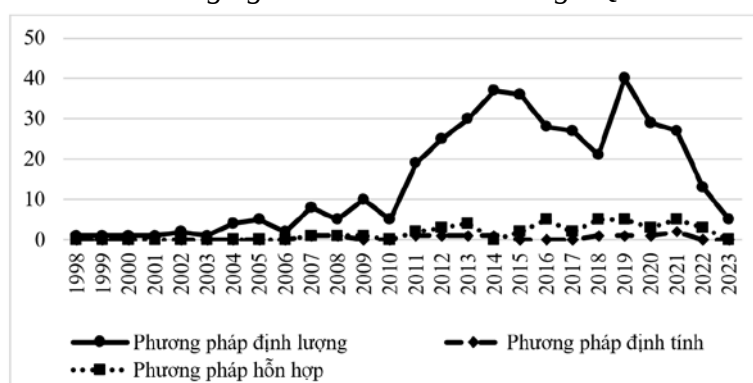
Phương pháp nghiên cứu		Số lượng		Tỉ lệ %	
Nghiên cứu sơ cấp	Nghiên cứu định lượng	383		83,62	
	Nghiên cứu định tính	12	437	2,62	95,41
	Nghiên cứu theo phương pháp hỗn hợp	42		9,17	
Nghiên cứu thứ cấp		21		4,59	
Tổng cộng		458		100	

Bảng 3 cho thấy có rất ít công trình là nghiên cứu thứ cấp (21 công trình, chiếm 4,59%). Các công trình này đa phần là các bài tổng quan tình hình nghiên cứu, như nghiên cứu của Xin (2019) tổng quan tình hình nghiên cứu CLHT tiếng TQ của người học tại Hàn Quốc, nghiên cứu của Cui (2021) tổng quan tình hình nghiên cứu CLHT tiếng TQ trên cơ sở các bài nghiên cứu trên sáu tạp chí chuyên ngành giai đoạn 1998-2019.

Bảng 3 còn cho thấy đa số nghiên cứu về CLHT tiếng TQ là nghiên cứu sơ cấp (437 công trình, chiếm 95,41%). Trong đó, nghiên cứu định lượng chiếm tỉ trọng cao nhất, kế đến là nghiên cứu theo phương pháp hỗn hợp, cuối cùng là nghiên cứu định tính. Nghiên cứu định lượng là phương pháp chủ yếu trong nghiên cứu về CLHT tiếng TQ, thu thập dữ liệu thông qua điều tra bảng hỏi. Nghiên cứu định tính không phải là phương pháp thường sử dụng trong nghiên cứu về CLHT tiếng TQ, dữ liệu chủ yếu được thu thập thông qua phỏng vấn. Nghiên cứu theo phương pháp hỗn hợp, kết hợp giữa định tính và định lượng, thu thập dữ liệu chủ yếu thông qua điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn.

Tình hình phân bố các công trình nghiên cứu theo phương pháp nghiên cứu qua các năm được thể hiện trong Biểu đồ 2.

Biểu đồ 2. Xu thế sử dụng các phương pháp nghiên cứu trong nghiên cứu về CLHT tiếng TQ



Biểu đồ 2 cho thấy: (1) Phương pháp định lượng là phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng ở tất cả các giai đoạn phát triển trong nghiên cứu về CLHT tiếng TQ; (2)

Phương pháp định tính và phương pháp hỗn hợp rất ít được sử dụng trong giai đoạn sơ khởi (1998-2010), song có số lượng sử dụng tăng lên trong giai đoạn phồn thịnh (2011-2021).

Tóm lại, nghiên cứu về CLHT tiếng TQ ở các giai đoạn chủ yếu sử dụng phương pháp định lượng, rất ít sử dụng phương pháp định tính cũng như phương pháp hỗn hợp.

2.2.4. Nội dung nghiên cứu

Căn cứ vào nội dung nghiên cứu của công trình, tác giả thống kê như sau (Bảng 4):

Bảng 4. Phân loại công trình nghiên cứu theo nội dung

Nội dung nghiên cứu		Số lượng	Tỉ lệ %
CLHT tổng thể		216	47,06
CLHT kiến thức	Ngữ âm	15	3,27
	Từ vựng	63	13,73
	Ngữ pháp	3	0,65
	Chữ Hán	74	16,12
	Nghe	23	5,01
CLHT kĩ năng	Nói	44	9,59
	Đọc	9	1,96
	Viết	2	0,43
Khác (tổng quan nghiên cứu)		10	2,18
Tổng cộng		4592	100

Bảng 4 cho thấy, nghiên cứu về CLHT tiếng TQ có nội dung khá đa dạng, song thiếu sự cân bằng về số lượng công trình giữa các nội dung nghiên cứu. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung ở nội dung CLHT tổng thể (216 công trình, chiếm 47,06%), kế đến là CLHT kiến thức (155 công trình, chiếm 33,77%) và cuối cùng là CLHT kĩ năng (78 công trình, chiếm 16,99%). Các công trình thuộc nội dung khác chủ yếu là các bài tổng quan về tình hình nghiên cứu. Trong nội dung CLHT kiến thức, chủ yếu quan tâm nghiên cứu CLHT chữ Hán và CLHT từ vựng, rất ít nghiên cứu về CLHT ngữ âm và CLHT ngữ pháp. Trong nội dung CLHT kĩ năng, chủ yếu quan tâm nghiên cứu CLHT kĩ năng nói và CLHT kĩ năng nghe, rất ít nghiên cứu về CLHT kĩ năng đọc và CLHT kĩ năng viết.

a. Nghiên cứu về CLHT tổng thể

Nghiên cứu về CLHT tổng thể là nội dung nghiên cứu được quan tâm nhiều nhất trong vấn đề CLHT tiếng TQ. Các nghiên cứu ở nội dung này đã sử dụng phương pháp định tính, phương pháp định lượng hoặc phương pháp hỗn hợp, đã đề cập đối tượng nghiên cứu là người học tiếng TQ đến từ 36 quốc gia là Ả Rập, Ai Cập, Anh, Áo, Ba Lan, Bengal, Bosnia and Herzegovina, Brazil, Burundi, Cambodia, Đức, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Hungary, Indonesia, Kazakhstan, Kenya, Lào, Madagascar, Mông Cổ, Myanmar, New Zealand, Nga, Nhật Bản, Pakistan, Philippines, Romania, Serbia, Singapore, Sudan, Tajikistan, Tây Ban Nha, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam và Ý. Các nghiên cứu này đã tập trung thảo luận sáu vấn đề sau:

² Có một luận văn thạc sĩ đồng thời nghiên cứu về CLHT kĩ năng nói và CLHT kĩ năng đọc, vì vậy tổng số ở đây nhiều hơn tổng số đã đề cập ở phần trước một công trình.

(1) Tình hình sử dụng CLHT tiếng TQ của người học; (2) Mối quan hệ giữa việc sử dụng CLHT với các nhân tố cá thể (giới tính, tuổi tác...); (3) Mối quan hệ giữa việc sử dụng CLHT với các nhân tố tâm lý khác (tính cách, động cơ, phong cách tri nhận...); (4) Đặc điểm sử dụng CLHT tiếng TQ của người học thành công; (5) Mối quan hệ giữa việc sử dụng CLHT với kết quả học tập; (6) So sánh CLHT giữa những nhóm người học khác nhau.

b. Nghiên cứu về CLHT kiến thức

Nghiên cứu về CLHT kiến thức là nội dung nghiên cứu về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chữ Hán tiếng TQ. Nội dung nghiên cứu này có thể chia làm bốn nội dung nhỏ hơn là CLHT ngữ âm, CLHT từ vựng, CLHT ngữ pháp và CLHT chữ Hán. Tuy nhiên, có sự khác biệt về mức độ quan tâm của giới nghiên cứu đối với bốn nội dung này.

CLHT chữ Hán được quan tâm sớm nhất, công trình đầu tiên đề cập đến nội dung này được công bố vào năm 2001, đây cũng là nội dung được quan tâm nhất, có số lượng công trình được công bố nhiều nhất trong nội dung CLHT kiến thức. Các nghiên cứu về CLHT chữ Hán được thực hiện bằng phương pháp định lượng, phương pháp định tính hoặc phương pháp hỗn hợp, đã đề cập đến đối tượng nghiên cứu là người học tiếng TQ đến từ 23 quốc gia là Azerbaijan, Ba Lan, Bengal, Cambodia, Chile, Cyprus, Czech, Ghana, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Indonesia, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Lào, Madagascar, Myanmar, Nga, Nhật Bản, Peru, Philippines, Tây Ban Nha, Thái Lan và Việt Nam. Các nghiên cứu này đã tìm hiểu tình hình sử dụng CLHT chữ Hán, so sánh việc sử dụng CLHT chữ Hán của người học thuộc và không thuộc vòng văn hoá chữ Hán, mối liên quan giữa việc sử dụng CLHT chữ Hán và các nhân tố cá thể.

CLHT từ vựng là nội dung được quan tâm sau nội dung CLHT chữ Hán, công trình đầu tiên đề cập đến nội dung này được công bố vào năm 2004, đây cũng là nội dung có số lượng công trình được công bố nhiều thứ hai trong nội dung CLHT kiến thức. Các nghiên cứu về CLHT từ vựng được thực hiện bằng phương pháp định lượng, phương pháp định tính hoặc phương pháp hỗn hợp, đã đề cập đến đối tượng nghiên cứu người học tiếng TQ đến từ 17 quốc gia là Chile, Ethiopia, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Indonesia, Kyrgyzstan, Lào, Malaysia, Mozambique, Myanmar, Nga, Peru, Sri Lanka, Tây Ban Nha, Thái Lan, Turkmenistan và Việt Nam. Các nghiên cứu này đã tìm hiểu tình hình sử dụng CLHT từ vựng, mối quan hệ giữa việc sử dụng CLHT từ vựng với các nhân tố cá thể.

CLHT ngữ âm là nội dung được quan tâm sau nội dung CLHT từ vựng, công trình đầu tiên đề cập đến nội dung này được công bố vào năm 2008, đây cũng là nội dung có số lượng công trình được công bố nhiều thứ ba trong nội dung CLHT kiến thức. Các nghiên cứu về CLHT ngữ âm chủ yếu được thực hiện bằng phương pháp định lượng, đã đề cập đến đối tượng nghiên cứu là người học tiếng TQ đến từ 11 quốc gia là Anh, Cameroon, Chile, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Hungary, Indonesia, Kenya, Nga, Peru và Thái Lan. Các nghiên cứu này đã tìm hiểu tình hình sử dụng CLHT ngữ âm, mối quan hệ giữa việc sử dụng CLHT ngữ âm với các nhân tố cá thể, với năng lực ngữ âm của người học.

CLHT ngữ pháp là nội dung được quan tâm sau cùng, công trình đầu tiên đề cập đến nội dung này được công bố vào năm 2013, đây cũng là nội dung ít được quan tâm nhất, có số lượng công trình được công bố ít nhất trong nội dung CLHT kiến thức. Các nghiên cứu về CLHT ngữ pháp được thực hiện bằng phương pháp định lượng, đã đề cập đến đối tượng nghiên cứu là người học tiếng TQ đến từ Ấn Độ và Hàn Quốc. Các nghiên cứu này đã tìm hiểu tình hình sử dụng CLHT ngữ pháp, mối quan hệ giữa việc sử dụng CLHT ngữ pháp với các nhân tố cá thể.

c. Nghiên cứu về CLHT kỹ năng

Nghiên cứu về CLHT kỹ năng là nội dung nghiên cứu về kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng TQ. Nội dung nghiên cứu này có thể chia làm bốn nội dung nhỏ hơn là CLHT kỹ năng nghe, CLHT kỹ năng nói, CLHT kỹ năng đọc và CLHT kỹ năng viết. Tuy nhiên, có sự khác biệt về mức độ quan tâm của giới nghiên cứu đối với bốn nội dung này.

CLHT kỹ năng nghe được quan tâm sớm nhất, công trình đầu tiên đề cập đến nội dung này được công bố vào năm 2004, đây cũng là nội dung có số lượng công trình được công bố nhiều thứ hai trong nội dung CLHT kỹ năng. Các nghiên cứu về CLHT kỹ năng nghe được thực hiện bằng phương pháp định lượng hoặc phương pháp hỗn hợp, đã đề cập đến đối tượng nghiên cứu là người học tiếng TQ đến từ 10 quốc gia là Ấn Độ, Hàn Quốc, Indonesia, Kenya, Myanmar, Nam Phi, New Zealand, Nhật Bản, Thái Lan và Việt Nam. Các nghiên cứu này đã tìm hiểu tình hình sử dụng CLHT kỹ năng nghe, mối quan hệ giữa việc sử dụng CLHT kỹ năng nghe với các nhân tố cá thể.

CLHT kỹ năng nói được quan tâm muộn hơn CLHT kỹ năng nghe, công trình đầu tiên đề cập đến nội dung này được công bố vào năm 2005, đây cũng là nội dung được quan tâm nhất, có số lượng công trình được công bố nhiều nhất trong nội dung CLHT kỹ năng. Các nghiên cứu về CLHT kỹ năng nói được thực hiện bằng phương pháp định lượng, phương pháp định tính hoặc phương pháp hỗn hợp, đã đề cập đến đối tượng nghiên cứu là người học tiếng TQ đến từ 15 quốc gia là Ả Rập, Ba Lan, Chile, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Indonesia, Kazakhstan, Myanmar, Nga, Nhật Bản, Nigeria, Tây Ban Nha, Thái Lan, Turkmenistan và Ý. Các nghiên cứu này đã tìm hiểu tình hình sử dụng CLHT kỹ năng nói, mối quan hệ giữa việc sử dụng CLHT kỹ năng nói với các nhân tố cá thể.

CLHT kỹ năng viết được quan tâm muộn hơn CLHT kỹ năng nói, công trình đầu tiên đề cập đến nội dung này được công bố vào năm 2011, đây cũng là nội dung ít được quan tâm nhất, có số lượng công trình được công bố ít nhất trong nội dung CLHT kỹ năng. Các nghiên cứu về CLHT kỹ năng viết được thực hiện bằng phương pháp định lượng, không đề cập đến người học đến từ một quốc gia cụ thể. Các nghiên cứu này đã tìm hiểu tình hình sử dụng CLHT kỹ năng viết, mối quan hệ giữa việc sử dụng CLHT kỹ năng viết với các nhân tố cá thể.

CLHT kỹ năng đọc được quan tâm muộn nhất, công trình đầu tiên đề cập đến nội dung này được công bố vào năm 2012, đây cũng là nội dung có số lượng công trình được công bố

nhiều thứ ba trong nội dung CLHT kỹ năng. Các nghiên cứu về CLHT kỹ năng đọc được thực hiện bằng phương pháp định lượng, đã đề cập đến đối tượng nghiên cứu là người học tiếng TQ đến từ 4 quốc gia là Cameroon, Hàn Quốc, Indonesia và Myanmar. Các nghiên cứu này đã tìm hiểu tình hình sử dụng CLHT kỹ năng đọc, mối quan hệ giữa việc sử dụng CLHT kỹ năng đọc với các nhân tố cá thể, mối quan hệ giữa việc sử dụng CLHT và kết quả học tập kỹ năng đọc của người học.

Tóm lại, nội dung của các nghiên cứu hiện có về CLHT tiếng TQ rất đa dạng, vừa có nội dung về CLHT tổng thể, vừa có nội dung về các CLHT kiến thức và kỹ năng. Tuy nhiên, các nội dung nghiên cứu như CLHT ngữ âm, CLHT ngữ pháp, CLHT kỹ năng đọc và CLHT kỹ năng viết cần được quan tâm nhiều hơn. Ngoài ra, còn có một số nội dung nghiên cứu của CLHT ngôn ngữ chưa được giới giáo dục quốc tế tiếng TQ quan tâm, như nghiên cứu về bồi dưỡng CLHT, nghiên cứu về lý luận CLHT ngôn ngữ.

2.2.5. Tiểu kết

Nghiên cứu về CLHT tiếng TQ đã trải qua ba giai đoạn phát triển là sơ khởi (1998 - 2010), phồn thịnh (2011 - 2021) và thoái trào (2022 - nay). Đối tượng nghiên cứu đa dạng, có nghiên cứu hướng đến đối tượng người học chung chung, không phân biệt quốc gia cũng như trình độ tiếng TQ của người học, cũng có nghiên cứu hướng đến đối tượng người học ở một quốc gia cụ thể hoặc một trình độ tiếng TQ nhất định, có nghiên cứu hướng đến đối tượng là người học đã trưởng thành, cũng có nghiên cứu hướng đến đối tượng là người học chưa trưởng thành. Các nghiên cứu này thường sử dụng phương pháp định lượng, bên cạnh đó còn sử dụng phương pháp định tính và phương pháp hỗn hợp. Nội dung nghiên cứu đa dạng, vừa có nội dung CLHT tổng thể, cũng có nội dung CLHT kiến thức và kỹ năng.

Tuy nhiên, nghiên cứu về CLHT tiếng TQ còn tồn tại một số vấn đề cần được quan tâm và nghiên cứu sâu hơn, nhằm đáp ứng sự phát triển không ngừng của giáo dục quốc tế tiếng TQ. Cụ thể như sau: (1) Tiến hành thêm các nghiên cứu với đối tượng người học có trình độ tiếng TQ nhất định; (2) Quan tâm hơn đến đối tượng người học là người chưa trưởng thành, đang học tiếng TQ ở các bậc tiểu học, trung học; (3) Thực hiện nghiên cứu với phương pháp định tính và phương pháp hỗn hợp; (4) Chú trọng phát triển các nghiên cứu về CLHT ngữ âm, CLHT ngữ pháp, CLHT kỹ năng đọc và CLHT kỹ năng viết; (5) Mở rộng nội dung nghiên cứu, bổ sung thêm các nội dung về bồi dưỡng CLHT, lý luận về CLHT.

2.3. Gợi ý cho nghiên cứu về người học Việt Nam

Nghiên cứu về CLHT tiếng TQ của người học Việt Nam đã được quan tâm từ năm 2005. Tuy nhiên, từ đó đến nay, thành quả nghiên cứu về CLHT tiếng TQ của người học Việt Nam chưa nhiều. Theo thống kê từ cơ sở dữ liệu CNKI, hiện mới chỉ có 9 nghiên cứu đề cập đến vấn đề này, trong đó có 1 luận án tiến sĩ, 3 luận văn thạc sĩ và 5 bài báo khoa học. Các thông tin về đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nội dung nghiên cứu của các nghiên cứu này được trình bày trong Bảng 5.

Bảng 5. Danh mục các nghiên cứu về CLHT tiếng TQ của người học Việt Nam trên cơ sở dữ liệu CNKI

STT	Công trình	Đối tượng nghiên cứu	Phương pháp nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu
1	Lin và Lu (2005)	98 lưu học sinh tại TQ	định lượng	CLHT tổng thể
2	Lu và Lin (2007)	98 lưu học sinh tại TQ	định lượng	mối quan hệ với kết quả HSK
3	Lu và Peng (2007)	23 lưu học sinh tại TQ trình độ sơ cấp	định lượng	CLHT chữ Hán
4	Vo (2011)	159 sinh viên tại Việt Nam	định lượng	mối quan hệ với động cơ học tập
5	Wang, Vo và Pham (2013)	270 sinh viên tại Việt Nam	định lượng	mối quan hệ với động cơ, kết quả HSK
6	Fu (2013)	2 lưu học sinh tại TQ trình độ sơ cấp	hỗn hợp	CLHT kỹ năng nghe
7	Dinh (2013)	502 sinh viên tại Việt Nam	định lượng	CLHT từ vựng
8	Hu (2014)	116 sinh viên tại Việt Nam	định lượng	CLHT tổng thể
9	Ta (2018)	83 học sinh tại Việt Nam	hỗn hợp	CLHT từ vựng

Bảng 5 cho thấy, có 5 nghiên cứu về CLHT tổng thể, 2 nghiên cứu về CLHT từ vựng, 1 nghiên cứu về CLHT chữ Hán và 1 nghiên cứu về CLHT kỹ năng nghe, trong đó có 2 nghiên cứu tập trung phân tích mối quan hệ giữa CLHT tổng thể với động cơ học tập, có 2 nghiên cứu tập trung phân tích mối quan hệ giữa CLHT tổng thể với kết quả HSK. Hầu hết các nghiên cứu này đều sử dụng phương pháp định lượng, thu thập dữ liệu nghiên cứu thông qua điều tra bằng bảng hỏi, chỉ có 2 nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp, kết hợp điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn để thu thập dữ liệu nghiên cứu. Đối tượng của các nghiên cứu này có lưu học sinh tại TQ, sinh viên và học sinh tại Việt Nam.

Có thể thấy, trong tổng thể chung của nghiên cứu về CLHT tiếng TQ thì nghiên cứu về người học Việt Nam chưa thật sự được quan tâm, chú ý. Phương pháp nghiên cứu khá đơn nhất. Nội dung nghiên cứu chưa đa dạng, còn rất nhiều nội dung chưa được đề cập đến như CLHT ngữ pháp, CLHT ngữ âm, CLHT kỹ năng nói, CLHT kỹ năng đọc, CLHT kỹ năng viết. Ngoài ra, một số nội dung nghiên cứu tuy được đề cập đến, nhưng quy mô mẫu nghiên cứu quá nhỏ, như nghiên cứu về CLHT chữ Hán, CLHT kỹ năng nghe.

Trong tương lai, chúng ta có thể triển khai các nghiên cứu chưa được quan tâm (như CLHT ngữ pháp, CLHT ngữ âm, CLHT kỹ năng nói, CLHT kỹ năng đọc, CLHT kỹ năng viết), có thể nghiên cứu lại các nội dung mà kết quả nghiên cứu chưa thể nhân rộng vì quy mô mẫu nghiên cứu khá nhỏ (như CLHT chữ Hán, CLHT kỹ năng nghe), cũng có thể kiểm chứng các kết quả nghiên cứu hiện có bằng một mẫu nghiên cứu mới có đặc điểm địa lý khác biệt (như CLHT từ vựng). Nói cách khác, có khá nhiều nội dung nghiên cứu về CLHT tiếng TQ của sinh viên Việt Nam cần được thực hiện. Việc tiến hành các nghiên cứu này sẽ góp phần phong phú hơn thành quả nghiên cứu, làm rõ hơn tình hình sử dụng CLHT tiếng TQ

của người học Việt Nam không chỉ trên phương diện tổng thể mà còn trên các phương diện kiến thức và kỹ năng. Từ đó, giúp giảng viên hiểu rõ hơn về sinh viên, sinh viên hiểu rõ hơn về bản thân, gia tăng hiệu quả dạy và học tiếng TQ cho người học Việt Nam.

3. Kết luận

Nghiên cứu về CLHT tiếng TQ tuy bắt đầu tương đối muộn nhưng đã đạt được nhiều thành quả đáng kể. Kết quả phân tích 458 tài liệu về CLHT tiếng TQ có trên cơ sở dữ liệu CNKI cho thấy, sự phát triển của nghiên cứu ở lĩnh vực này có thể chia làm ba giai đoạn là giai đoạn sơ khởi (1998 - 2010), giai đoạn phồn thịnh (2011-2021) và giai đoạn thoái trào (2022 - nay). Đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nội dung nghiên cứu của các thành quả hiện có khá đa dạng. Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu với đối tượng người học có trình độ tiếng TQ nhất định hoặc đối tượng người học là người chưa trưởng thành, chưa có nhiều nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính và phương pháp hỗn hợp, còn khá nhiều nội dung cần được triển khai nghiên cứu. Trên cơ sở tổng thể chung của nghiên cứu về CLHT tiếng TQ, bài viết đã phân tích tình hình nghiên cứu với đối tượng người học Việt Nam, đồng thời đưa ra một số định hướng nghiên cứu trong tương lai.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anderson, N. J. (2005). L2 Learning Strategies. In E. Hinkel (Ed.), *Handbook of Research in Second Language Teaching and Learning* (pp. 757-771). Routledge.
- Brown, J. D. (1988). *Understanding Research in Second Language Learning: A Teacher's Guide to Statistics and Research Design*. Cambridge University Press.
- Cui, W. Z. (2021). A review of research on Chinese learning strategies in the past 20 years. *Duiwai Hanyu Yanjiu*, (1), 122-132.
- Dinh, T. H. T. (2013). *Chinese Vocabulary Learning of Vietnamese Students - Research on students of Faculty of Chinese Language and Culture, University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi* [Doctoral Dissertation, Central China Normal University].
- Dornyei, Z. (2007). *Research Methods in Applied Linguistics*. Oxford University Press.
- Fu, X. (2013). Case study for learning strategies for elementary Chinese listening comprehension of Vietnamese students. *The Guide of Science & Education*, (5), 84-85.
- Hu, J. Y. (2014). *Survey on the Strategies for Learning Chinese among Native College Student of Vietnam - A Case Study of Vietnam National University Hanoi* [Master's Thesis, Henan Normal University].
- Lin, K., & Lu, X. (2005). An analysis of Chinese language learning strategies by Vietnamese students. *Journal of College of Chinese Language and Culture of Jian University*, (4), 19-24.

- Lu, W. P., & Peng, R. (2007). A probe into the employment of strategies in learning Chinese characters by Vietnamese beginners. *Around Southeast Asia*, (7), 57-60.
- Lu, X., & Lin, K. (2007). The relation between Chinese language learning strategy of Vietnamese students and result of HSK. *Higher Education Forum*, (3), 155-159.
- Rubin, J. (1975). What the “good language learner” can teach us. *TESOL Quarterly*, 9(1), 41–51.
- Ta, T. H. D. (2018). *Investigation and Analysis of Chinese Vocabulary Learning Strategies for Halong Junior High School Students in Quang Ninh Province, Vietnam* [Master's Thesis, Shanghai International Studies University].
- Vo, N. H. L. (2011). *A correlational study of Vietnamese students in Da Nang city on learning motivation and learning strategies in Chinese learning* [Master's Thesis, Guangxi University].
- Wang, E. J., Vo, N. H. L., & Pham, T. T. B. (2013). A correlation study of motivation, strategy and the achievement in learning Chinese as a foreign language. *Journal of Yangzhou University (Higher Education Study Edition)*, 17(3), 74-78.
- Xin, C. J. (2019). A summary review of the learning strategies by Chinese-language learners in Korea. *Journal of Yunnan Normal University (Teaching and Studying Chinese as a Foreign Language Edition)*, 17(5), 45-53.
- Yang, Y. (1998). The relationship between learning strategies and learning effects of advanced Chinese learners. *Chinese Teaching in the World*, (1), 89-94.

A REVIEW OF RESEARCH ON CHINESE LEARNING STRATEGIES AND SUGGESTIONS FOR RESEARCH ON VIETNAMESE LEARNERS

Luu Hon Vu

Ho Chi Minh University of Banking, Vietnam

Corresponding author: Luu Hon Vu – Email: luuhonvu@gmail.com

Received: May 02, 2024; Revised: July 04, 2024; Accepted: February 22, 2025

ABSTRACT

Based on China’s CNKI database, the article analyzed research on Chinese language learning strategies in China from four aspects: (1) development trends, (2) research participants, (3) research method, and (4) research content. The study shows that research on Chinese learning strategies has gone through three stages: the initial stage (1998 - 2010), the prosperous stage (2011 - 2021), and the decline stage (2022 - 2023). The research participants are diverse in terms of country, Chinese language level of proficiency, and learners’ educational level. The research methods used are also diverse, but mainly quantitative ones. The research content is diverse, not only paying attention to overall learning strategies but also strategies for learning knowledge and skills. Finally, the article offers some suggestions for research on Vietnamese learners’ Chinese language learning strategies.

Keywords: Chinese; learning strategies; review; suggestions; Vietnamese learners